

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC SƠN
TỈNH HOÀ BÌNH

Bản án số: 12/2020/HS -ST
Ngày: 11-05-2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN - TỈNH HOÀ BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Xa Quý Thọ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Ôn và ông Bùi Văn Quyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Minh Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 05 năm 2020. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 13/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 03 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 04 năm 2020 đối với:

- Bị cáo: Bùi Văn D, sinh ngày 12/03/1994 tại xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Nơi cư trú: Xóm M, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn P, sinh năm 1968 và bà Bùi Thị K, sinh năm 1969; Bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: 01 tiền án, ngày 29/11/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn xử phạt 12 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/01/2020 đến nay; được trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Bùi Thị K, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Xóm M, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Ông Bùi Văn L, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Xóm Đ, xã Tuân Đ, huyện L, tỉnh Hòa Bình (có mặt).

+ Bà Bùi Thị K, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Xóm Mới N, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình (có mặt).

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Số nhà 41, phố T, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hòa Bình (vắng mặt.)

- Người làm chứng:

+ Bà Bùi Thị E, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Xóm M, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình (có mặt). (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 06 giờ ngày 26/11/2019, Bùi Văn L, sinh năm 1970, trú tại xóm Đ, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình điều khiển xe mô tô BKS 28N1-137.25, nhãn hiệu HONDA đến nhà bà Bùi Thị E, sinh năm 1967, trú tại xóm M, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình để xe ở sân nhà bà E rồi đi sang nhà bà Bùi Thị K, sinh năm 1969 gần nhà bà E và giao chìa khóa xe cho bà K quản lý. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày thì Bùi Văn D (là con trai bà K) hỏi bà K mượn xe nhưng bà K không đồng ý nên không giao chìa khóa xe cho D. Khi bà K đang ở trên nhà bà E (nhà sàn) thì D ngồi lên xe mô tô của ông L do bà K quản lý và điều khiển đi khỏi đó, bà K hô hoán mọi người đuổi theo nhưng không kịp.

Sau khi chiếm đoạt được xe, D đem đến cầm cố tại cửa hàng cầm đồ T tại phố H, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hòa Bình, thực hiện giao dịch với anh Nguyễn Văn T được số tiền 2.000.000đ (*hai triệu đồng*) và tiêu sài cá nhân hết. Sau khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản Bùi Văn D bỏ trốn khỏi địa phương đến ngày 04/01/2020 thì bị bắt giữ.

Tại bản kết luận định giá số 49 ngày 19/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lạc Sơn kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại Wave &, màu sơn trắng - đen - bạc, BKS 28N1-137.25, số khung HC12E-5353090, số máy RLHHC1211DY7353005, đăng ký lần đầu ngày 19/8/2014. Giá trị còn lại là 11.000.000đ (*mười một triệu đồng*).

** Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:*

+ 01 (một) chiếc xe mô tô BKS 28N1-137.25, nhãn hiệu HONDA, số loại Wave &, màu sơn trắng - đen - bạc, xe cũ đã qua sử dụng;

Quá trình điều tra, xét thấy không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên cơ quan điều tra Công an huyện Lạc Sơn đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Bùi Văn L.

Tại cơ quan điều tra bị cáo Bùi Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi Công nhiên chiếm đoạt tài sản của mình, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Bùi Văn L đã được nhận lại xe nên không có yêu cầu đề nghị gì; Đối với số tiền bị cáo dùng xe để cầm cố đã được bà Bùi Thị K thực hiện việc trả lại số tiền trên cho anh T; Đối với bà Bùi Thị K là bị hại và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có yêu cầu đề nghị gì phân dân sự đối với bị cáo. Đối với Nguyễn Văn T người mà Bùi Văn D đã vay số tiền và để xe lại không biết nguồn gốc chiếc xe do phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKS ngày 26 tháng 03 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn đã truy tố Bùi Văn D về tội “*Công nhiên chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 172 Bộ luật hình sự. Thực hành quyền công tố tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Lạc Sơn, sau khi xem xét, đánh giá toàn bộ nội dung vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; trình bày quan điểm và luận tội: Giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên

bố bị cáo Bùi Văn D phạm tội “*Công nhiên chiếm đoạt tài sản*”; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 172; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Bùi Văn D từ 12 -18 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo và giải quyết các vấn đề khác theo quy định.

Bị cáo Bùi Văn đồng ý với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Bị hại Bùi Thị K không yêu cầu bị cáo bồi thường và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hay yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an huyện Lạc Sơn, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ai có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy lời khai nhận của bị cáo có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ khác như: Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, biên bản khám nghiệm và bản ảnh hiện trường; bản kết luận định giá số 49 ngày 19/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lạc Sơn, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở khẳng định:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 26/11/2019, tại xóm M, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình, Bùi Văn D lợi dụng sự sơ hở của người quản lý tài sản không có điều kiện ngăn cản đã công khai chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại Wave &, màu sơn trắng - đen - bạc, BKS 28N1-137.25 trị giá 11.000.000đ (*mười một triệu đồng*) do bà Bùi Thị K quản lý. Vì vậy, việc bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đồng thời có đủ cơ sở kết luận bị cáo Bùi Văn D phạm tội “*Công nhiên chiếm đoạt tài sản*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 172 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi mà bị cáo Bùi Văn D thực hiện đã trực tiếp xâm hại tới quyền sở hữu tài sản của công dân là khách thể được pháp luật hình sự của nước CHXHCN Việt Nam nghiêm cấm và bảo vệ. Đồng thời hành vi mà bị cáo thực hiện còn gây mất trật tự an ninh trên địa bàn. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức được tính chất, mức độ sai trái do hành vi gây ra. Song vì lười lao động, muốn kiếm tiền một cách bất chính

nên lợi dụng tình trạng người được giao quản lý tài sản không có điều kiện ngăn cản, bị cáo đã công khai thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Lỗi của bị cáo trong vụ án này là cố ý trực tiếp, do đó bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với hành vi phạm tội đã gây ra.

[4]Xét nhân thân: Trước khi phạm tội bị cáo Bùi Văn D có nhân thân xấu, cụ thể: Năm 2018 bị cáo Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn xử phạt 12 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Đáng lẽ ra bị cáo phải lấy đây là bài học để từ bỏ, tuy nhiên bị cáo vẫn tiếp tục dần sâu vào con đường phạm tội, điều này cho thấy ý thức coi thường pháp luật, khó cải tạo của bị cáo.

[5]Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả; bị cáo là người dân tộc thiểu số (dân tộc Mường) sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; mặt khác bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại các điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự trong quá trình lượng hình. Bị cáo Bùi Văn D có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[6] Cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết cụ thể của vụ án, xét thấy cần thiết phải có một hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, hành vi mà bị cáo đã thực hiện. Do đó, việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để giáo dục cải tạo bị cáo cũng như đáp ứng mục đích đấu tranh phòng ngừa tội phạm trên địa bàn là cần thiết. Ngoài ra, theo quy định tại khoản 5 Điều 172 Bộ luật hình sự, bị cáo còn có thể áp dụng hình phạt bổ sung. Song xem xét cụ thể trường hợp của bị cáo, xét thấy việc áp dụng hình phạt bổ sung là không có tính khả thi nên không áp dụng.

[7] Xét thấy việc cơ quan cảnh sát điều tra không đề cập xử lý đối với Nguyễn Văn T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Xét thấy việc xử lý vật chứng của cơ quan điều tra là đúng quy định nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Trước khi mở phiên tòa, bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện thỏa thuận trả lại số tiền 2.000.000đ (*hai triệu đồng*) là số tiền cầm cố xe mô tô cho anh Nguyễn Văn T. Xét thấy, việc thỏa thuận và tự nguyện bồi thường của các bên là phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên HĐXX ghi nhận. Tại phiên tòa bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản gì thêm, do đó Hội đồng xét xử không đề cập trách nhiệm dân sự đối với vụ án.

[9]Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên ,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 172; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 ; Điều 38 của Bộ luật hình sự:

+ Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn D phạm tội “*Công nhiên chiếm đoạt tài sản*”.

+ Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn D 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 04/01/2020.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Bùi Văn D phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án hoặc trích lục án được niêm yết công khai hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Hòa Bình (b/c)
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hòa Bình;
- Công an huyện Lạc Sơn;
- Chi cục THADS Lạc Sơn ;
- Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- Bị cáo+ Người tham gia tố tụng ;
- UBND xã Văn Nghĩa;
- Lưu hồ sơ vụ án

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Xa Quý Thạo

